

## PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA HỘ CHĂN NUÔI HEO TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN Ô MÔN, CẦN THƠ

Vương Quốc Duy<sup>1</sup> và Đặng Hoàng Trung<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 17/09/2014

Ngày chấp nhận: 27/02/2015

### Title:

Determinants of access to formal credit by Pig Production households in O Mon District, Can Tho City

### Từ khóa:

Chăn nuôi, Probit, Tín dụng chính thức, Cần Thơ

### Keywords:

Production, probit, formal credit, Can Tho

### ABSTRACT

Currently, the income of agricultural households in Viet Nam in general, and in Can Tho in particular, remains low leading to inadequate accumulation for reinvestment. In addition, investments in agriculture from the limited budget are even less because of shares for other areas of the economy, low foreign direct investment due to unattractive agriculture. Main capital sources, formal or informal, which are quite small and with high interests, could not be used for production. Thus, loans from credit institutions played a role of paramount importance to farm production. Husbandry households' access to official credits seems to be the premise for economic development. This article provides insights about the factors that affect access to official credits for pig production in O Mon district, Can Tho city. Using data from a survey of 223 households and Probit models, the findings indicate that the properties of the household owner (including gender, education level, age) and the properties of households (such as income, social status) affect the accessibility to official credits.

### TÓM TẮT

Hiện nay, thu nhập của nông hộ Việt Nam nói chung và Thành phố Cần Thơ nói riêng còn chưa đủ tích lũy để tái đầu tư, vốn đầu tư từ ngân sách bị hạn chế vì phải san sẻ cho các khu vực khác của nền kinh tế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp không đáng kể vì thiếu hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và nguồn vốn tín dụng bán chính thức hay phi chính thức thường lãi suất cao nên ít được sử dụng cho sản xuất. Do đó, vốn vay từ các tổ chức tín dụng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sản xuất của các nông hộ. Việc tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ chăn nuôi được xem như là tiền đề để phát triển kinh tế hộ. Bài viết này cung cấp cái nhìn khách quan về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ chăn nuôi heo ở quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ. Thông qua việc sử dụng số liệu sơ cấp và mô hình Probit, nghiên cứu chỉ ra rằng các thuộc tính của chủ hộ như giới tính, trình độ học vấn, độ tuổi và các thuộc tính của nông hộ như vị trí xã hội, thu nhập, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ.

## 1 GIỚI THIỆU

Vốn dành cho sản xuất nông nghiệp xuất phát từ nhiều nguồn (vốn tích lũy từ ngay trong khu vực nông thôn, vốn ngân sách, vốn đầu tư nước ngoài và vốn vay tín dụng chính thức, bán chính thức hay phi chính thức). Hiện nay, thu nhập của nông hộ còn thấp nên thường không đủ tích lũy để tái đầu tư, vốn đầu tư từ ngân sách bị hạn chế vì phải san sẻ cho các khu vực khác của nền kinh tế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp không đáng kể vì thiếu hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và nguồn vốn tín dụng bán chính thức hay phi chính thức thường có lãi suất cao nên ít được sử dụng cho sản xuất. Do đó, vốn vay từ các tổ chức tín dụng chính thức đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sản xuất của các nông hộ.

Mặc dù, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ như Nghị định số 12/1993/NĐ – CP ngày 2/3/1993 về cho vay đến hộ nông dân để phát triển sản xuất nông – lâm – ngư diêm nghiệp và kinh tế nông thôn, Nghị định số 41/2010/NĐ – CP ngày 12 – 4 – 2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn... đã có những thành công nhất định, song còn tồn tại những khó khăn cho người dân khi tiếp cận và sử dụng nguồn vốn này. Vì thế làm sao để tín dụng nông thôn đến đúng đối tượng và phát huy hiệu quả của nó vẫn còn là vấn đề nan giải. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để tín dụng nông thôn đến đúng đối tượng và phát huy hiệu quả? Vì những lý do trên mà đề tài “*Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của nông hộ chăn nuôi heo tại quận Ô Môn - Thành phố Cần Thơ*” để nghiên cứu là hết sức cần thiết. Mục tiêu chung của nghiên cứu là phân tích các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ chăn nuôi heo quận Ô Môn – Thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề tài đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức để sản xuất, tái sản xuất, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống xã hội đồng thời giúp các ban ngành hữu quan, tổ chức tín dụng đưa ra các giải pháp phù hợp với nông hộ, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Để đạt được mục tiêu này, một số mục tiêu cụ thể được đề cập như: (1) Phân tích tình hình sản xuất và nhu cầu sử dụng vốn tín dụng của nông hộ chăn nuôi heo địa bàn quận Ô Môn – Thành phố Cần Thơ. (2) Phân tích mức độ của các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của các nông hộ chăn nuôi heo. (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của các nông hộ chăn nuôi heo.

## 2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1 Khái niệm nông hộ

Về hộ nông dân, Ellis định nghĩa “Hộ nông dân là các hộ gia đình làm nông nghiệp, tự kiếm kế sinh nhai trên những mảnh đất của mình, sử dụng chủ yếu sức lao động của gia đình để sản xuất, thường nằm trong hệ thống kinh tế lớn hơn, nhưng chủ yếu đặc trưng bởi sự tham gia cục bộ vào các thị trường và có xu hướng hoạt động với mức độ không hoàn hảo cao” (Ellis, 1988, p.19).

Nhà nông học Nga - Traianốp cho rằng "Hộ nông dân là đơn vị sản xuất rất ổn định" và ông coi "Hộ nông dân là đơn vị tuyệt vời để tăng trưởng và phát triển nông nghiệp". Luận điểm trên của ông đã được áp dụng rộng rãi trong chính sách nông nghiệp tại nhiều nước trên thế giới, kể cả các nước phát triển.

Ở nước ta, có nhiều tác giả đề cập đến khái niệm hộ nông dân. Theo nhà khoa học Lê Đình Thắng (1993, trang 19) cho rằng: “Nông hộ là tế bào kinh tế xã hội, là hình thức kinh tế cơ sở trong nông nghiệp và nông thôn”. Đào Thế Tuấn (1997) cho rằng: “Hộ nông dân là những hộ chủ yếu hoạt động nông nghiệp theo nghĩa rộng, bao gồm cả nghề rừng, nghề cá và hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn”.

Còn theo nhà khoa học Nguyễn Sinh Cúc (2001, trang 6), trong phân tích điều tra nông thôn năm 2001 cho rằng: "Hộ nông nghiệp là những hộ có toàn bộ hoặc 50% số lao động thường xuyên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp (làm đất, thủy nông, giống cây trồng, bảo vệ thực vật,...) và thông thường nguồn sống chính của hộ dựa vào nông nghiệp".

#### 2.1.2 Bản chất kinh tế nông hộ

Kinh tế nông hộ là một hình thức cơ bản và tự chủ trong nông nghiệp. Nó được hình thành và phát triển một cách khách quan, lâu dài, dựa trên sự sở hữu các yếu tố sản xuất, là loại hình kinh tế có hiệu quả, phù hợp với sản xuất nông nghiệp, thích ứng, tồn tại và phát triển trong mọi chế độ kinh tế xã hội. Tính tự chủ trong kinh tế nông hộ được thể hiện ở những đặc điểm sau: (1) Làm chủ quá trình sản xuất và tái sản xuất trong nông nghiệp; (2) Sắp xếp điều hành phân công lao động trong quá trình sản xuất; (3) Quyết định phân phối sản phẩm làm ra sau khi đóng thuế cho nhà nước, được chọn

quyền sử dụng phần còn lại. Nếu có sản phẩm dư thừa, hộ nông dân có thể đưa ra thị trường tiêu thụ đó là sản phẩm hàng hóa.

### 2.1.3 *Khái niệm vốn tín dụng trong nông nghiệp*

*Vốn* là của cải sinh ra của cải, là tài sản, là biểu hiện bằng phương tiện dùng vào sản xuất kinh doanh nhằm mục đích cuối cùng mang lại lợi nhuận. *Vốn* tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, thường chia làm hai loại cơ bản sau:

*Vốn cố định* là hình thức vốn chuyển dịch dần dần vào từng bộ phận giá trị sản phẩm và hoàn thành trong vòng tuần hoàn khi tài sản cố định hết thời hạn sử dụng. Ví dụ như về mặt giá trị tài sản cố định hao mòn dần trong quá trình sử dụng (hao mòn hữu hình và hao mòn khi vô hình). Giá trị của vốn cố định được dịch chuyển dần dần vào giá trị sản phẩm mới cho đến khi nào tài sản cố định hết thời hạn sử dụng thì nó hoàn thành một lần chu chuyển sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất nông nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản,... dưới hình thức trích khấu hao. *Vốn cố định* bao gồm máy móc, công cụ cơ khí phục vụ,...

*Vốn lưu động* là số vốn ứng trước về đối tượng lao động và tiền lương, sản phẩm đang chế tạo, thành phẩm hàng hoá, tiền tệ,... Nó luân chuyển một lần vào giá trị sản phẩm cho đến khi nào nó chuyển thành tiền thì vốn lưu động hoàn thành một vòng luân chuyển. Về mặt hiện vật thì vốn lưu động thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu sau quá trình sản xuất. *Vốn lưu động* bao gồm: giống vật nuôi, cây trồng, vật tư nông nghiệp.

## 2.2 **Phương pháp nghiên cứu**

### 2.2.1 *Các nghiên cứu trước đây*

Một nghiên cứu của Vương Quốc Duy và Lê Long Hậu (2012) về “Vai trò của tín dụng chính thức trong đời sống nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long”. Bài nghiên cứu được thực hiện thông qua phương pháp phân tích hai bước logic với số liệu được thu thập từ 288 nông hộ ở Thành phố Cần Thơ, Sóc Trăng và Trà Vinh. Bước thứ nhất, hàm Probit được sử dụng để đánh giá khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ. Thứ hai, sự khác biệt giữa nông hộ vay vốn và không vay vốn dựa trên một vài tiêu chí của hộ nghèo (tổng tài sản, chi tiêu cho giáo dục, chi tiêu cho thực phẩm, tổng thu nhập của nông hộ,...) được thực hiện thông qua phương pháp so sánh cặp. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông hộ có vay vốn sẽ có điều kiện tốt hơn để

gia tăng thu nhập, tăng giá trị tài sản, tăng chi tiêu cho giáo dục và chi tiêu cho thực phẩm hơn là hộ không vay vốn. Do đó, việc tiếp cận tín dụng có thể giảm tỷ lệ hộ nghèo đói ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Việt Nam.

“Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang” được thực hiện bởi tác giả Trương Đông Lộc và Trần Bá Duy (2010). Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi với tổng số nông hộ được phỏng vấn là 152. Áp dụng hàm Probit, kết quả phân tích cho thấy, các nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ bao gồm: tuổi của chủ hộ, số thành viên trong gia đình, trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích đất của hộ, khả năng đi vay từ các nguồn không chính thức, thu nhập của hộ và tổng tài sản của hộ.

“Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận tín dụng của nông hộ” được thực hiện bởi tác giả Nguyễn Thị Thu Phương (2006). Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng hiện nay người nông dân có nhu cầu lớn đối với tín dụng cho cả mục đích sản xuất và tiêu dùng. Mặc dù, người dân quan tâm đến tín dụng nhưng thực tế họ đã không nộp đơn để xin vay do lo ngại rủi ro trong sản xuất và sợ bị ngân hàng từ chối cho vay. Vấn đề này đã xuất hiện ở cả hộ vay và không vay trong cả ba nhóm hộ khá, trung bình và nghèo tại địa phương nhưng nó đặc biệt phổ biến đối với những hộ nghèo. Người nông dân suy xét có lý trong việc quyết định nguồn vốn tín dụng nào họ xin vay cho mỗi một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể. Lượng tín dụng hộ nộp đơn xin vay, tỉ lệ người phụ thuộc, số người ốm, diện tích đất canh tác,... là những nhân tố góp phần ảnh hưởng đến quyết định hạn lượng tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Mức độ thỏa mãn nhu cầu tín dụng (lượng tín dụng thực tế được vay so với nhu cầu) có ảnh hưởng quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp, cụ thể là cho hoạt động chăn nuôi.

Trên cơ sở lý thuyết và kế thừa các nghiên cứu trước đây, bài viết này đi sâu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng của hộ chăn nuôi heo trên địa bàn quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu được trình bày ở phần tiếp theo.

2.2.2 Phương pháp thu thập số liệu

a. Số liệu thứ cấp

Thông tin thứ cấp được khai thác từ các nguồn tài liệu đã công bố trong các văn kiện báo cáo tổng kết của địa phương, số liệu của sở, cơ quan ban ngành, các thông tin từ báo, tạp chí và sử dụng số liệu các đề tài có liên quan.

b. Số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 223 nông hộ chăn nuôi heo trên địa bàn quận Ô Môn – Thành Phố Cần Thơ theo phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên.

2.2.3 Phương pháp phân tích số liệu

Mục tiêu 1 được thực hiện thông qua phương pháp thống kê mô tả. Phương pháp này được vận dụng để mô tả một cách tổng quát về tình hình cơ bản các địa bàn nghiên cứu, thực trạng sản xuất, cũng như nhu cầu cần vốn sản xuất của nông hộ chăn nuôi heo. Bằng phương pháp này, chúng ta có thể mô tả được những nhân tố thuận lợi và cản trở sự tiếp cận các nguồn vốn tín dụng của những nông hộ này.

Mục tiêu 2 phân tích các yếu tố có liên quan đến khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng thuộc khu vực chính thức của nông hộ chăn nuôi heo trên địa bàn. Đối với mục tiêu này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi quy bằng mô hình kinh tế lượng thông qua mô hình Probit.

Mô hình hồi quy được trình bày như sau:

$$y_i^* = \beta_0 + \sum_{i=1}^k \beta_i x_i + u_i \tag{1}$$

Trong đó chưa biết. Nó thường được gọi là biến ẩn. Chúng ta xem xét biến giả  $y_i$  được khai báo như sau:

$$\text{Chú ý rằng } y_i^* = \begin{cases} = 1 \text{ nếu } y_i^* > 0 \\ = 0 \text{ trường hợp khác} \end{cases} \tag{2}$$

Mô hình (2) khi chúng ta nhận  $y_i^*$  với 1 hằng số dương bất kỳ sẽ không làm thay đổi  $y_i$ . Vì vậy, chúng ta thường giả định rằng  $\text{var}(u_i) = 1$ . Điều này cố định phạm vi của  $y_i^*$ .

2.2.4 Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ

Qua lược khảo tài liệu có liên quan và cơ sở lý thuyết vừa trình bày, đề tài được xây dựng phương trình khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ như sau:

$$\text{vay(có vay không)} = \beta_0 + \beta_1 \text{tuoi} + \beta_2 \text{gioitinh} + \beta_3 \text{trinhdo} + \beta_4 \text{dientich} + \beta_5 \text{thunhap} + \beta_6 \text{chitieu} + \beta_7 \text{tts} + \beta_8 \text{stylephuthuoc} + \beta_9 \text{vitrixh} + \beta_{10} \text{dantoc} + \beta_{11} \text{QSDD} + u_i$$

**Bảng 1: Biến kỳ vọng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ chăn nuôi heo**

Biến	Ký hiệu	Đơn vị tính	Kỳ vọng
Tuổi	tuoi	Năm	+
Giới tính chủ	gioitinh	Nam: 1, Nữ: 0	+
Trình độ học vấn	trinhdo	Số năm đến trường	+
Diện tích đất	dientich	m <sup>2</sup>	+
Thu nhập	thunhap	Triệu đồng	+
Chi tiêu	chitieu	Triệu đồng	+
Tổng tài sản	tts	Triệu đồng	+
Tỷ lệ phụ thuộc	tylephuthuoc	%	-
Vị trí xã hội	vitrixh	Có: 1, không: 0	+
Dân tộc	dantoc	1: Kinh, 2: Khác	+
Quyền sở hữu tài sản	QSDD	0: không, 1: có	+

Ghi chú: Dấu “+” thể hiện mối quan hệ tỷ lệ thuận với biến phụ thuộc; Dấu “-” thể hiện mối quan hệ tỷ lệ nghịch với biến phụ thuộc

Nguồn: Tham khảo từ các nghiên cứu trước đây về tiếp cận tín dụng của nông hộ

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nguồn lực con người đóng vai trò quyết định trong hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và lĩnh vực chăn nuôi heo quận Ô Môn nói riêng. Ở

đây, tác giả phân tích nguồn lực này dựa trên các tiêu chí như: giới tính, nghề nghiệp, trình độ học vấn cũng như một số đặc điểm khác của chủ hộ. Được xem như một trong những quận/huyện cung

cấp lúa lớn nhất của Việt Nam nên nông hộ ở quận Ô Môn có tiềm năng xây dựng và phát triển ngành chăn nuôi heo. Từ dữ liệu điều tra, bài viết cung cấp thông tin các thuộc tính của nông hộ ở phần tiếp theo.

**3.1 Giới thiệu tổng quan về nông hộ**

Qua Bảng 2, ta thấy trong tổng số 223 hộ được điều tra thì các chủ hộ là nữ chiếm 58,3% tương ứng với 130 hộ và chủ hộ là nam với 41,7% chứng

tỏ vai trò của người phụ nữ trong thời buổi hiện nay đã được cải thiện hơn trước, quyền làm chủ, tham gia kinh doanh chứ không chỉ lo nội trợ, ít quan hệ xã hội như trước đây.

Bên cạnh phân tích việc sử dụng vốn của hộ, tác giả còn tìm hiểu nghề nghiệp của nông hộ xem bên cạnh chăn nuôi các hộ còn có nghề nào khác để tạo ra thu nhập cải thiện đời sống của chính nông hộ.

**Bảng 2: Tổng quan về nông hộ được điều tra nghiên cứu**

	Không vay (Số người)	Có vay (Số người)	Tỷ trọng (%)
<b>Giới tính</b>			
Nam	75	55	41,7
Nữ	17	76	58,3
<b>Tuổi của chủ hộ</b>			
< 45	13	49	62 (42,47%)
45 – 60	14	52	66 (45,21%)
> 60	7	11	18(12,33%)
Tổng	34(23,29%)	112(76,71%)	146(100%)
<b>Nghề nghiệp nông hộ</b>			
Trồng trọt	57	56	50,67
Khác	27	46	32,74
Chỉ chăn nuôi heo	8	29	16,59
<b>Trình độ học vấn</b>			
Mù chữ	1	3	4(1,79%)
Tiểu học	46	74	120 (53,81%)
Trung học cơ sở	43	44	87 (39,01%)
Trung học phổ thông	2	8	10 (4,48%)
Cao đẳng, đại học	0	2	2 (0,9%)

Nguồn: Thống kê từ điều tra 2013

Kết quả Bảng 2 cũng cho thấy nghề nghiệp chủ yếu của nông hộ là trồng trọt (lúa, cây ăn quả và vườn tạp... ) chiếm 50,67%, tiếp đến là các hoạt động khác chiếm 32,74%, đa phần phi nông nghiệp như buôn bán, làm thuê, nội trợ... do không có hoặc ít đất đai, và một phần do thực hiện chính sách hỗ trợ và ưu tiên phát triển nông nghiệp, thương mại dịch vụ của Chính phủ nhằm đẩy nhanh mức tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Số lượng quan sát chỉ thực hiện chăn nuôi heo chỉ chiếm 16,59% trong tổng số quan sát có được.

Trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì khả năng ứng dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào sản xuất càng cao, làm tăng thu nhập trong gia đình. Từ đó khả năng tiếp cận vốn vay càng dễ dàng hơn, lượng vốn vay được nhiều hơn, sử dụng vốn hiệu quả hơn những hộ khác. Trình độ học vấn khác nhau thì mức độ nhận thức khác nhau, trình độ hiểu biết khác nhau,... từ đó sẽ cho ra những kết quả khác nhau.

Qua cuộc điều tra, tác giả nhận thấy rằng trình độ học vấn của chủ hộ trên địa bàn chưa cao. Đa phần các chủ hộ có trình độ học vấn tiểu học chiếm đến 55,48%, ngoài ra còn có 2,05% số chủ hộ mù chữ. Đây thường là những chủ hộ lớn tuổi do ảnh hưởng của chiến tranh cũng như cuộc sống nhiều khó khăn phải nghỉ học để phụ giúp gia đình. Số chủ hộ còn lại có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên. Cụ thể là số chủ hộ có trình độ học vấn trung học cơ sở chiếm 36,30%, trình độ trung học phổ thông cũng như cao đẳng đại học chiếm tỷ lệ rất thấp, lần lượt là 5,48% và 0,68%. Kết quả Bảng 2 cũng ngụ ý rằng, phần lớn những người được điều tra đều có được trình độ học vấn căn bản chưa cao lắm và chính quyền địa phương quan tâm rất lớn đến các chương trình phổ cập giáo dục các cấp. Hiệu quả từ việc tiếp cận trình độ học vấn, nông dân sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào quá trình sản xuất kinh doanh của cá nhân nói riêng và của nông hộ nói chung.

### 3.2 Một số thông tin khác của nông hộ

*Tuổi:* Thông qua tuổi chủ hộ ta có thể hiểu một cách tương đối về kinh nghiệm sản xuất, chăn nuôi cũng như đời sống của hộ. Đối với người dân ở nông thôn, do đặc điểm ngành nghề chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nên tuổi của chủ hộ gắn liền với số năm sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp. Bên cạnh đó, do đặc thù của ngành sản xuất nông nghiệp có tính chất truyền thống và kế thừa, từ thế hệ trước truyền đạt kinh nghiệm lại cho thế hệ sau nên tuổi càng cao thể hiện kinh nghiệm càng nhiều. Trong sản xuất nông nghiệp nông thôn thì đây là điều quan trọng, kinh nghiệm giúp người dân có thể vượt qua những thách thức do các yếu tố tự nhiên mang lại, mang lại lợi nhuận trong sản xuất. Dựa vào Bảng 4.2 ta thấy tuổi của chủ hộ tương đối kỳ cựu, các hộ có tuổi trung bình là 46,31 tuổi, thấp nhất là 23 và cao nhất là 88 tuổi.

**Bảng 3: Một số thông tin khác của nông hộ**

*DVT: Năm*

	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tuổi	46,31	23	88
Tỷ lệ phụ thuộc(%)	0	38,83	83
Thâm niên trong chăn nuôi	7,79	2	50

*Nguồn: Thống kê từ điều tra, 2013*

*Tỷ lệ phụ thuộc:* là tỷ số giữa những người không có thu nhập trong hộ với tổng số người trong hộ. Tỷ lệ phụ thuộc càng lớn thì khả năng tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng càng thấp (do chi phí cao). Qua bảng thống kê trên thì tỷ lệ phụ thuộc trung bình là 38,83%, tỷ lệ phụ thuộc cao nhất là 83% và thấp nhất là 0%. Nhìn chung, tỷ lệ phụ thuộc vẫn còn cao so với chính sách “kế hoạch hóa gia đình” của nhà nước. Những hộ có tỷ lệ phụ thuộc cao thường có 3 thế hệ sống chung một gia đình.

Ngoài ra, *thâm niên* trong nghề của của các hộ ở mức tương đối, trung bình 7,79 năm, giúp các hộ tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

### 3.3 Thực trạng vay vốn của nông hộ chăn nuôi heo quận Ô Môn – Thành phố Cần Thơ

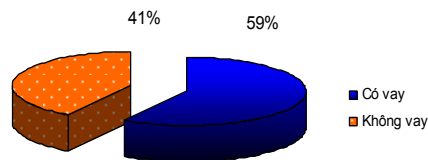
#### 3.3.1 Cơ cấu vốn vay

Nhìn chung, theo kết quả điều tra 223 hộ thì có 131 có vay vốn chính thức chiếm khoảng 59% trong tổng số hộ được điều tra, còn lại 92 hộ không vay chiếm 41%.

**Bảng 4: Cơ cấu vốn vay của nông hộ**

Vay	Tần số	Tỷ lệ(%)
Có vay	131	58,74
Không vay	92	41,26
Tổng	223	100

*Nguồn: thống kê từ điều tra 2013*



**Hình 1: Cơ cấu vốn vay chính thức của nông hộ**

*Nguồn: Thống kê từ điều tra, 2013*

Biểu đồ trên cho thấy, tuy tỷ lệ vay chính thức là 59% trên 50% nhưng không thể gọi là khá cao vì theo Bảng 3.2 thì tỷ lệ hộ sinh sống bằng nghề nông (trồng trọt, chăn nuôi) chiếm đến 83,26%. Vậy hơn 1/3 hộ nông dân chưa tiếp cận với nguồn vốn chính thức có thể có nhiều lý do khác nhau: không có tài sản thế chấp, vay nguồn phi chính thức... hay từ phía tổ chức cho vay chưa kê cận được với người dân. Qua đây ta có thể thấy số hộ không vay được vốn chính thức là 41% sẽ phản ánh được phần nào về khả năng tiếp cận nguồn vốn chính thức của hộ tại địa bàn nghiên cứu chưa thực sự tốt.

#### 3.3.2 Nguyên nhân nông hộ không vay vốn chính thức

Khi được hỏi đa phần các hộ không vay vốn do không có nhu cầu chiếm 80,4%. Khoảng 15,2% hộ không đáp ứng được điều kiện vay của ngân hàng, 2,2% hộ không biết thủ tục vay và 2,2% số còn lại do tâm lý ngại thiếu nợ. Kết quả này được thể hiện ở trong Bảng 5.

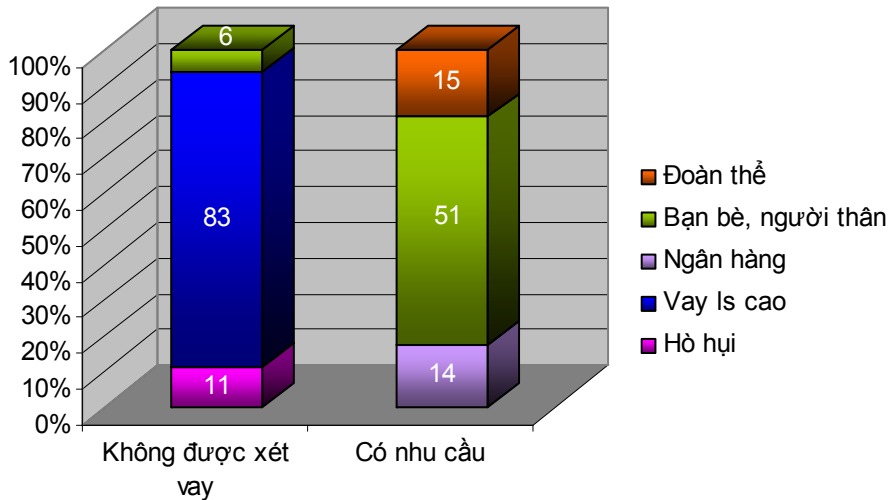
**Bảng 5: Nguyên nhân nông hộ không vay vốn chính thức**

Nguyên nhân	Tần số	Tỷ trọng (%)
Không có nhu cầu	74	80,4
Không đáp ứng đủ điều kiện của ngân hàng	14	15,2
Không biết thủ tục vay vốn	2	2,2
Khác	2	2,2
Tổng	92	100

*Nguồn: Thống kê từ kết quả điều tra, 2013*

Trong những hộ không có nhu cầu vay, khi được hỏi nếu có nhu cầu về vốn họ sẽ chọn nguồn nào để thay thế. Thì có 51% hộ chọn vay mượn bạn bè, người thân, 15% hộ chọn vay mượn từ các đoàn, 14% còn lại chọn vay ngân hàng. Trong khi

đó những hộ không được ngân hàng xét vay thì có đến 83% hộ chọn vay với lãi suất cao, 11% chọn hình thức hồ hụi, 6% chọn bạn bè người thân giúp đỡ.



**Hình 2: Nguồn vốn thay thế**

Nguồn: Thống kê từ điều tra, 2013

**3.3.3 Thị phần vốn vay của nông hộ với các tổ chức tín dụng**

Nông hộ ở quận Ô Môn – Thành phố Cần Thơ vay vốn từ nguồn nào và đặc điểm của từng khoản vốn vay được thể hiện trong Bảng 6.

Hầu hết những hộ tiếp cận được với vốn vay từ các tổ chức tín dụng chính thức ở ngân hàng CSXH

và bên cạnh đó là ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) do lãi suất thấp và kèm theo đó là không yêu cầu tài sản thế chấp (đối với ngân hàng CSXH). Do đó, số lượng hộ vay ngân hàng CSXH chiếm đến 91,6%, cũng chính vì đồng về số lượng mà lượng vốn trung bình tiếp cận được cũng thấp hơn.

**Bảng 6: Đặc điểm và thị phần vốn vay**

Tổ chức tín dụng	Số quan sát	Tỷ trọng (%)	Lãi suất trung bình (%/năm)	Lượng vốn trung bình (triệu đồng)
NH CSXH	120	91,6	7,8	9,76
NHN <sub>0</sub> & PTNT	11	8,4	11,5	20,73
Vốn vay chính thức	131	100	8,11	10,68

Nguồn: Thống kê từ kết quả điều tra, 2013

**3.3.4 Mục đích vay và thời hạn vay**

Qua kết quả khảo sát, nông hộ tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng chính thức được dùng vào các mục đích khác nhau như thể hiện trong Bảng 7.

**Bảng 7: Mục đích vay thực tế**

Mục đích thực tế	Tỷ trọng (%)
Chăn nuôi	87,89
Sinh hoạt gia đình	8,52
Trồng trọt	2,24
Khác	1,35
Tổng	100

Nguồn: Thống kê từ kết quả điều tra, 2013

Kết quả cho ta thấy rằng có 87,89% số hộ sử dụng vốn đúng mục đích, 12,11% hộ còn lại chưa sử dụng vốn đúng mục đích. Cụ thể hơn, nguồn vốn vay được từ các tổ chức tín dụng được nông hộ sử dụng cho mục đích tiêu dùng, trồng trọt, mua bán nhỏ hay các hoạt động sản xuất khác. Phần sử dụng vốn vay không đúng mục đích xuất phát từ việc thiếu vốn, vốn không đủ gây lại đàn, một vài rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Nội dung này sẽ được thảo luận chi tiết hơn ở phần kế tiếp.

Thời hạn chủ yếu là ngắn và trung hạn, dao động từ 12 đến 36 tháng với hình thức vay lưu vụ, gia hạn với cùng thời hạn vay. Tạo điều kiện cho các hộ trả nợ và có nguồn vốn tiếp tục chăn nuôi.

**3.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ chăn nuôi heo ở quận Ô Môn – Thành phố Cần Thơ**

Dựa trên cơ sở lý thuyết và thực nghiệm, bài viết xem xét một số nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến việc tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ chăn nuôi trên địa bàn nghiên cứu. Sau khi tiến hành các kiểm định cần thiết, các biến phù hợp nhất sẽ được đưa vào hàm Probit và kết quả được thể hiện ở Bảng 8.

**Bảng 8: Kết quả phân tích mô hình Probit**

Biến	Hệ số	Giá trị thống kê
Hệ số tự do	1,40707	0,088
Gioitinh	-0,98175	0,000***
Tuoi	-0,24270	0,150
Trinhdo	-0,16502	0,308
Tylephuthuoc	0,00837	0,987
Vitrixahoi	1,91061	0,000***
Dientich	-0,00001	0,792
Thunhap	-0,00171	0,252
QSDD	0,11394	0,842
Dantoc	0,12237	0,794
Prob>Chi <sup>2</sup>		0,0000
Số quan sát		223
R <sup>2</sup>		0,2773

Nguồn: tính toán từ số liệu khảo sát

Ghi chú: \*: Mức ý nghĩa 10%, \*\*: Mức ý nghĩa 5%, \*\*\*: Mức ý nghĩa 1%

Đây là kết quả mô hình sau khi đã kiểm định và loại bỏ các biến gây ảnh hưởng đến độ tin cậy của mô hình.

Dựa theo kết quả trên, thì mô hình có ý nghĩa thống kê, giá trị p-value của mô hình là  $0,0000 < 0,05$  (mức ý nghĩa 5%). Trong mô hình có 2 biến có tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ được đưa vào mô hình có ý nghĩa ở mức ý nghĩa 5%.

**Giới tính:** Theo kết quả thì biến này có ý nghĩa ở mức 1%, mang dấu âm trái với kỳ vọng ban đầu của nghiên cứu. Biến này nói lên sự bình đẳng giới tính càng được công nhận sâu hơn, khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của nông hộ nữ không chỉ tăng lên so với trước đây, mà còn vượt hơn so với nông hộ nam. Điều này không lạ, do phụ nữ ngày nay ngoài nội trợ, gia đình còn tham gia các đoàn thể, tổ chức ở địa phương như hội phụ nữ, hội nông dân... Có đủ điều kiện để tiếp cận với nguồn thông tin bên ngoài cũng như nguồn vốn tín dụng chính thức.

**Vị trí xã hội:** Trong mô hình Probit biến này có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Những chủ hộ có vị trí xã hội hay có quen biết với nhân viên ngân hàng thì họ có khả năng nắm bắt được thông tin vay vốn tốt, thêm vào đó là họ quen biết lẫn nhau nên những hộ này được tin tưởng trong việc cho vay nên khả năng tiếp cận vốn vay cao hơn hộ khác. Kết quả phân tích cho thấy vị trí xã hội mang dấu (+), trùng với kỳ vọng của tác giả.

Các biến *tylephuthuoc*, *dientich*, *thunhap*, *trinhdo*, *QSDD*, *dantoc* có giá trị p-value lớn hơn 10% không có ý nghĩa về mặt thống kê. Nghĩa là trong một chừng mực nhất định của đề tài nghiên cứu, thì các biến này không có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu:

**Thu nhập:** Thu nhập không có ý nghĩa thống kê trong mô hình vì những hộ có thu nhập cao, thường chăn nuôi, sản xuất với quy mô lớn hoặc có thu nhập từ nguồn khác nên nhu cầu vay vốn của những hộ này là rất ít vì họ đã có nhiều vốn để sản xuất. Ngược lại, những hộ nghèo thì có thu nhập thấp, nên họ thường có nhu cầu về vốn cao.

**Diện tích đất & QSDD:** Không có ý nghĩa trong mô hình vì đa phần các hộ chăn nuôi trong mẫu điều tra tiếp cận với nguồn vốn chính thức thông qua ngân hàng CSXH với hình thức tín chấp. Do đó, diện tích đất cũng QSDD không ảnh hưởng đến khả năng vay vốn của hộ.

**Tỷ lệ phụ thuộc:** Theo kết quả nghiên cứu biến này không có ý nghĩa. Khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của nông hộ không phụ thuộc vào biến này.

**Tuổi và Trình độ học vấn:** Những biến không có ý nghĩa trong mô hình. Cho thấy, để phân tích khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của nông hộ chăn nuôi sẽ ít được quan tâm hay suy xét khi phân tích khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của nông hộ.



**Dân tộc:** Theo kết quả nghiên cứu biến này không có ý nghĩa. Khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của nông hộ không phụ thuộc vào biến này. Nghĩa là không có sự khác biệt trong khả năng tiếp cận vốn vay chính thức giữa các dân tộc khác so với dân tộc Kinh do chính sách hỗ trợ vay vốn theo Quyết định 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và Quyết định 126/2008/QĐ-TTg ngày 15/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quyết định 32/1007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Để đảm bảo các hộ này được tiếp cận với nguồn vốn chính thức vươn lên thoát nghèo.

Qua kết quả trên, giả thuyết  $H_0$  bị bác bỏ ở mức ý nghĩa (Sig. = 0,0000) rất nhỏ và kết luận rằng các biến đưa vào mô hình hoàn toàn phù hợp với mô hình hồi quy tuyến tính bội. Từ đó kết luận: Với đối tượng hộ chăn nuôi heo, các yếu tố như độ tuổi, giới tính và vị trí xã hội ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ chăn nuôi heo.

#### **4 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA NÔNG HỘ CHĂN NUÔI HEO TẠI QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Qua kết quả phân tích cho thấy các chủ hộ là nữ có khả năng tiếp cận vốn vay tốt hơn các chủ hộ nam. Điều này có thể được giải thích như sau: Hầu hết các hộ này đều có tham gia hội phụ nữ, được sự giúp đỡ của hội mà các hộ được biết đến chính sách ưu đãi cũng như những điều kiện, thông tin vay vốn. Vậy tại sao ta không tạo nên sự liên kết mạnh mẽ hơn không chỉ ở hội phụ nữ mà cả hội thanh niên, hội cựu chiến binh, hội nông cùng chung tay tạo điều kiện các hộ có nhu cầu vay được vốn, vươn lên thoát nghèo, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo trong xã hội, cải thiện đời sống nông hộ, đặc biệt là các hộ chăn nuôi heo chịu ảnh hưởng của rủi ro về giá rất lớn. Do đó, ngoài liên hệ với các tổ chức và nông dân với nhau còn cần có sự liên kết giữa những hộ chăn nuôi lại để đảm bảo đầu ra không bấp bênh do thương lái ép giá.

Bên cạnh đó, vị trí xã hội hay có quen biết với nhân viên ngân hàng cũng tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. Các ngân hàng cần tổ chức công tác thông tin, chương trình hỗ trợ đến tận phường, xã để người dân biết đến. Làm sao để tạo được sự công bằng, để tất cả các nông hộ chăn nuôi heo, đặc biệt là những hộ nghèo

tiếp cận được nguồn vốn này. Tránh được vay phi chính thức với lãi suất cao, để họ tạo điều kiện chăn nuôi, sản xuất nâng cao chất lượng cuộc sống.

### **5 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**

#### **5.1 Kết luận**

Thực tế đã chỉ ra rằng muốn phát triển sản xuất thì phải có vốn. Tuy nhiên, các nông hộ thường gặp khó khăn khi đi vay do các TCTD phải sàng lọc khách hàng để giảm thiểu rủi ro, dẫn đến việc khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của các nông hộ phụ thuộc vào một số yếu tố nhất định. Bài viết giúp xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng vay vốn tín dụng chính thức của nông hộ ở quận Ô Môn.

Qua phân tích thực trạng vay vốn và khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ thông qua số liệu khảo sát các nông hộ của quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ. Nguồn tín dụng cho vay đóng vai trò quan trọng vì nó giúp nông hộ có thể gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Kết quả nghiên cứu còn chỉ ra rằng, các nhân tố ảnh hưởng khả năng tiếp cận vốn tín dụng là: vị trí xã hội mức độ hay mức độ quen biết của chủ hộ, giới tính của chủ hộ.

Tín dụng nông thôn là một trong những nhân tố quan trọng trong việc bổ sung nguồn vốn cho các nông hộ để có đủ vốn sản xuất. Vì thế, để cho việc tiếp cận vốn tín dụng và sử dụng đồng vốn sao cho hiệu quả cần có sự góp sức giữa: nông hộ - tổ chức tín dụng – chính quyền địa phương.

#### **5.2 Đề xuất**

Một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển nông thôn là công tác xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Trong đó tín dụng là công cụ hiệu quả kích thích các hoạt động, tạo thu nhập, giúp nông hộ nâng cao khả năng sản xuất cũng như góp phần cải thiện đời sống của nông hộ, đặc biệt là đối với các hộ chăn nuôi heo. Dựa trên kết quả điều tra, tác giả đưa ra những biện pháp như sau:

##### *5.2.1 Về phía hộ chăn nuôi*

Qua kết quả cho điều ra, đa phần các chị em phụ nữ tiếp cận được nguồn vốn tốt hơn, thông qua hội phụ nữ. Do đó, việc tham gia các tổ chức đoàn thể tại địa phương như: hội nông dân, hội phụ nữ, hội làm vườn, hội chăn nuôi,... có thể giúp hộ được vay vốn thông qua các tổ chức này dễ dàng khi có nhu cầu cũng như cập nhật thông tin một cách dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn qua các buổi nói chuyện, các buổi trao đổi chuyên môn,...

Sử dụng vốn vay đúng mục đích và mục đích chính đáng để tạo ra thu nhập. Thông qua đó, hộ cũng đảm bảo khả năng trả nợ của mình đối với tổ chức cho vay và tạo lòng tin với tổ chức đó. Từ đó có thể dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn chính thức khi có nhu cầu.

### 5.2.2 Về phía các tổ chức tín dụng

Tăng cường mối quan hệ với các tổ chức xã hội, chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ để có thể đánh giá hộ xin vay vốn được khách quan rõ ràng và sát thực tế. Giúp các tổ chức tín dụng có thể giảm được thời gian thẩm định, người dân có thể nhận được vốn vay nhanh hơn để phục vụ sản xuất.

Việc cung cấp thông tin về nguồn tín dụng của các tổ chức chính thức còn yếu kém đòi hỏi các tổ chức phải có phải có biện pháp để thông tin có thể đến với nông hộ chính xác và kịp thời như tiếp thị tận nhà các sản phẩm vay dành cho nông hộ, hướng dẫn thủ tục vay vốn cho họ.

Về chính sách tín dụng: cần tạo điều kiện để tăng tỷ lệ phụ nữ được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm; cải tiến quy trình, thủ tục cho vay theo hướng đơn giản, rút ngắn thời gian trong quá trình giải ngân; mở rộng hình thức vay; lãi vay cho phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh, giảm lãi, miễn lãi hoặc xóa nợ vay ngân hàng trong những trường hợp không trả được nợ do những nguyên nhân khách quan; nâng hạn mức cho vay sát với thực tế phát triển kinh tế.

### 5.2.3 Về phía chính quyền địa phương

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tiếp cận tín dụng chịu tác động bởi giới tính Nữ hơn là Nam. Qua kết quả này, chính quyền địa phương cũng nên quan tâm hơn nữa đến sự bình đẳng giới tính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực chăn nuôi. Vì thế, các chính sách liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi nên quan tâm hơn đến giới tính Nữ.

Quan điều tra dữ liệu thực tế cho thấy nông hộ chăn nuôi gặp nhiều khó khăn trong kỹ thuật chăn nuôi và chăm sóc heo. Việc tư vấn hỗ trợ nông hộ trong vấn đề kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi từ chính quyền địa phương là hết sức cần thiết. Đối với những nông hộ có các mô hình sản xuất, chăn nuôi có hiệu quả, cán bộ địa phương cần phổ biến các mô hình đó cho các hộ khác để các hộ khác có thể học hỏi kinh nghiệm cùng nhau sản xuất và phát triển kinh tế địa phương.

Chính phủ cần can thiệp trực tiếp trong những trường hợp đặc biệt như khắc phục hậu quả thiên

tai, hay ưu tiên hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, chính phủ không nhất thiết phải cung cấp tín dụng với số lượng nhiều và giá rẻ. Ngược lại, những biện pháp can thiệp theo cách cũ như áp đặt lãi suất hay tỉ lệ dự trữ bắt buộc quá cao lại bóp nghẹt tăng trưởng của các tổ chức tín dụng, cản trở thị trường tín dụng tự giác nông thôn phát triển.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Frankellis, 1993. Kinh tế hộ gia đình nông dân và phát triển nông nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Nông nghiệp.
2. Tổng cục thống kê, 2012. Niên giám thống kê 2012. Cần Thơ: Nhà xuất bản Thống kê.
3. Mai Văn Nam và ctv, 2004. Giáo trình kinh tế lượng. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thống kê.
4. Vương Quốc Duy và Lê Long Hậu, 2012. Vai trò của tín dụng chính thức trong đời sống nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trường Đại học Cần Thơ: Kỷ yếu Khoa học 2012: 175 – 185.
5. Thái Văn Đại, 2007. Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại. Trường Đại học Cần Thơ: thư viện Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.
6. Trang web quận Ô Môn: <http://cantho.gov.vn/wps/portal/omon>
7. Trang web ngân hàng CSXH: <http://vbsp.org.vn/>
8. Trang web Chính phủ: [http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=95027](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=95027)
9. Nguyễn Quốc Oánh và Phạm Thị Mỹ Dung, 2010. Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nông dân: trường hợp nghiên cứu ở vùng cận ngoại thành Hà Nội. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội: Tạp chí Khoa học và Phát triển 2010: Tập 8, số 1: 170 – 177.
10. Nguyễn Hoài Nhớ, 2012. Phân tích khả năng tiếp cận tín dụng nguồn vốn tín dụng chính thức của nông hộ ở huyện Trà Ôn- tỉnh Vĩnh Long. Trường Đại học Cần Thơ.
11. Bùi Thị Minh Thơ, 2010. Phân tích khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp ở huyện Trà Ôn – tỉnh Vĩnh Long. Trường Đại học Cần Thơ.
12. Trương Đông Lộc, Trần Bá Duy, 2010, “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”, Tạp chí Ngân hàng, số4, trang 29-32.